

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng
bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động
trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm
2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ
xã hội;
Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều
của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy
định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXH ngày tháng năm 2022 của
Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động.

Điều 3. Mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện

1. Mức hỗ trợ: Ngoài kinh phí đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ ngân sách Trung ương theo quy định, kinh phí địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ các đối tượng này mức 1.200.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực nông thôn và 1.700.000 đồng/người/tháng đối với các đối tượng ở khu vực thành thị.

Khoản kinh phí địa phương (ngân sách tỉnh) hỗ trợ thêm cho các đối tượng này không tính vào tiêu chí thu nhập khi tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, giai đoạn 2022 - 2025.

2. Kinh phí thực hiện: Kinh phí từ ngân sách tỉnh, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp của địa phương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH